

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DUYÊN HẢI
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HS-ST
Ngày 23-01-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUYÊN HẢI, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tấn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Phi Long – Ông Trần Văn Nước

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Lâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Sĩ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 12 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Lê Minh K, sinh ngày 01/01/1988. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh. Nơi đăng ký thường trú: Khóm L, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Sửa xe; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn D, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1962; Vợ là Nguyễn Hồng P, sinh năm 1986 và 01 người con sinh năm 2015. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tòa án cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2024 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

2. Bị cáo Lê Thanh V, sinh ngày 02/6/1985. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh. Nơi đăng ký thường trú: Khóm X, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở: ấp T, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N, sinh năm 1965 và bà Lê Thị K, sinh năm 1964; Vợ là Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1985 và 01 người con sinh năm 2016. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tòa án cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2024 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

3. Bị cáo Quách Văn A, sinh ngày 01/01/1955. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh. Nơi đăng ký thường trú: Khóm X, Phường A, thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách X, sinh năm 1923 (đã chết) và bà Phạm Thị D, sinh năm 1925 (đã chết); Vợ là Lương Thị P, sinh năm 1961 và có 04 người con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1992. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tòa án cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2024 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

4. Bị cáo Lâm Tuấn N, sinh ngày 01/01/1993. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh. Nơi đăng ký thường trú: ấp Phước A, xã L, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Nuôi trồng thủy sản; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn V, sinh năm 1956 và bà Lê Thị X, sinh năm 1959; Vợ là Huỳnh Ngọc D, sinh năm 1995 và có 02 người, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2015. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tòa án cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2024 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

5. Bị cáo Thạch Thị R, sinh ngày 30/12/1989. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh. Nơi đăng ký thường trú: ấp D, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Nơi ở hiện tại: Khóm X, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Khmer; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch T1, sinh năm 1965 và bà Thạch Thị K, sinh năm 1965; Chồng là Nguyễn Văn D, sinh năm 1988 và có 03 người, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2013. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tòa án cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2024 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

6. Bị cáo Trần Minh V, sinh ngày 01/01/1983. Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh. Nơi đăng ký thường trú: Khóm X, Phường A, thị xã D, tỉnh Trà Vinh. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Công, sinh năm 1955 và bà Dương Thị Kim S, sinh năm 1956; Vợ là Huỳnh Thị Ngọc Th, sinh năm 1992 và chưa có con. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Bị cáo bị Tòa án cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 20/01/2024 đến nay (Có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Minh V: Ông Phạm Thanh P là Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Trà Vinh (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cáo trạng số: 05/CT-VKS-HS ngày 19 tháng 12 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh truy tố các bị cáo Lê Minh K; Lê Thanh V; Quách Văn A; Lâm Tuấn N; Thạch Thị R; Trần Minh V cùng về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015). Hành vi bị truy tố của các bị cáo như sau: Vào khoảng 20 giờ 00 ngày 09/02/2021 các đối tượng gồm: Lê Minh K, Lê Thanh V và Lâm Tuấn N tự đi đến nhà Trần Minh V uống nước trà. Một lát sau, bốn người K, V, A và N rủ nhau chơi đánh bài binh (*bài ăn độ*) 06 lá ăn thua bằng tiền và mượn nhà của V làm địa điểm đánh bạc, sau khi nghỉ chơi nếu ai ăn (*thắng*) thì cho V tiền cà phê nên V đồng ý và V cung cấp bài, chiếu cho mọi người tham gia đánh bạc. Khoảng 21 giờ cùng ngày thì bắt đầu chơi, hình thức chơi như sau: Mỗi người là 01 tụ (*con bạc*), mỗi tụ 06 lá, trong đó Lê Minh K là nhà cái phân thắng, thua với ba tụ còn lại (V, A, N mỗi người 01 tụ), mỗi ván 01 tụ đặt cáo nhất là 300.000 đồng, không quy định mức đặt tối thiểu; khi đã chơi được một lúc thì có Thạch Thị R và một số người khác (*chưa xác định được họ, tên, địa chỉ*) đến cùng tham gia ké ba tụ (V, A, N), sau khi V thua hết tiền thì R vào ngồi tụ thay. Đến khoảng 22 giờ 20 cùng ngày thì bị Công An Phường 1 ập vào bắt quả tang đã tạm giữ tại chiếu bạc số tiền 7.350.000 đồng; 16 bộ bài tây (52 lá) chưa qua sử dụng và 01 bộ bài tây (52 lá) đã qua sử dụng; 01 chiếc chiếu đã qua sử dụng và mời các đối tượng K, A, N, R về cơ quA làm việc. Riêng V và một số người khác đã bỏ chạy khỏi hiện trường.

Qua làm việc các đối tượng đã thừa nhận hành vi đánh bạc bị bắt quả tang là đúng với nội dung nêu trên và tổng số tiền mà các đối tượng sử dụng vào mục đích đánh bạc là 5.350.000 đồng. Cụ thể như sau:

Đối với Lê Minh K khi đi mang theo số tiền từ 3.500.000 đồng đến 4.000.000 đồng, đã sử dụng 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, chơi Nều ván không biết thắng thua, khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 1.500.000 đồng đến 2.000.000 đồng để đánh bạc, tạm giữ trên người số tiền 2.000.000 đồng.

Đối với Quách Văn A khi đi mang theo 800.000 đồng, đã sử dụng 800.000 đồng để đánh bạc, thắng 300.000 đồng, khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 1.100.000 đồng.

Đối với Lâm Tuấn N, khi đi mang theo 1.120.000 đồng và sử dụng số tiền 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc, không thắng thua, khi bị bắt quả tang thu giữ số tiền 1.000.000 đồng vào mục đích đánh bạc.

Đối với Thạch Thị R khi đi mang theo số tiền 443.000 đồng, sử dụng vào mục đích đánh bạc 400.000 đồng, thua hết 300.000 đồng, khi bị bắt quả tang thu giữ 100.000 đồng.

Đối với Lê Thanh V khi đi mang theo số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc 450.000 đồng thua hết số tiền khi bị bắt quả tang.

Như vậy tại thời điểm bị bắt quả tang các bị cáo K, A, R, V và N cùng xác định số tiền trên chiếu bạc mà các bị cáo cùng những người khác đã bỏ chạy sử dụng để đánh bạc và sát phạt lẫn nhau là 5.350.000 đồng nhưng qua điều tra chứng minh thì các bị cáo K, V, A, R và N chỉ dùng số tiền để đánh bạc là

4.650.000 đồng còn lại là của những người khác ké tụ bỏ chạy để lại số tiền trên, quá trình điều tra không chứng minh được họ, tên, địa chỉ của những người này. Do đó các bị cáo K, A, R, V, N khi bị bắt quả tang phải chịu trách Nhiệm chung đối với số tiền 5.350.000 đồng. Đối với Trần Minh V tuy không trực tiếp tham gia đánh bạc nhưng cho mượn địa điểm (*nhà của mình*), cung cấp bài và chiếc chiếu để các bị cáo tham gia đánh bạc ăn thua bằng tiền trái phép nên hành vi của bị cáo V đồng phạm với các bị cáo trên về tội đánh bạc với vai trò giúp sức.

Trong phần xét hỏi tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi đánh bạc như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải mô tả và truy tố.

Trong phần trả lời tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Lê Minh K; Lê Thanh V; Quách Văn A; Lâm Tuấn N; Thạch Thị R; Trần Minh V như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt:

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 35, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Lê Minh K từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 35, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Lê Thanh V từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 35, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Quách Văn A từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 35, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Lâm Tuấn N từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 35, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Thạch Thị R từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, các Điều 20, 35, các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 đề nghị xử phạt bị cáo Trần Minh V từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Về vật chứng: Đối với số tiền số tiền 5.350.000 đồng (*đã được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có kích thước 28 X 14 cm,) có đóng dấu tròn của Cơ*

qua Cảnh sát điều tra Công An thị xã Duyên Hải. Trong đó có: 03 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng; 16 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng; 06 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền giấy mệnh giá 50.000 đồng, đề nghị áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

Trong phần trAh luận, người bào chữa cho bị cáo Trần Minh V đồng tình với Kiểm sát viên về tội dAh đã truy tố bị cáo V về tội đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015. Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo V, người bào chữa cho rằng bị cáo V không tham gia đánh bạc, chỉ giúp sức; hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, vợ bị cáo đAg mang thai. Bị cáo cũng rất thành khẩn khai báo, có nhân thân tốt, có người thân có công với cách mạng. Vì vậy, người bào chữa đề nghị xem xét cho bị cáo V được hưởng án treo. Các bị cáo không có ý kiến trAh luận. Riêng bị cáo R đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Đối đáp qua điểm bào chữa của người bào chữa, Kiểm sát viên cho rằng việc áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo V và bị cáo R là không đảm bảo yêu cầu đấu trAh về phòng chống tội phạm, nhất là tội phạm đánh bạc nên Kiểm sát viên giữ nguyên qua điểm. Người bào chữa không phát biểu ý kiến trAh luận thêm.

Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trAh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Minh K; Lê Thanh V; Quách Văn A; Lâm Tuấn N; Thạch Thị R; Trần Minh V đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc tại nhà bị cáo Trần Minh V vào ngày 09/02/2021. Lời khai nhận tại phiên tòa của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ qua điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản thu giữ vật chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã đủ căn cứ để kết luận được các bị cáo Lê Minh K; Lê Thanh V; Quách Văn A; Lâm Tuấn N; Thạch Thị R đã thực hiện hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền với tổng số tiền xác định là 5.350.000 đồng. Vì vậy, đã có đầy đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Lê Minh K; Lê Thanh V; Quách Văn A; Lâm Tuấn N; Thạch Thị R phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với bị cáo Trần Minh V mặc dù biết các bị cáo rủ đánh bạc ăn thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn đồng ý cho mượn địa điểm là nhà của bị cáo và chuẩn bị bài cho các bị cáo Lê Minh K; Lê Thanh V; Quách Văn A; Lâm Tuấn N; Thạch Thị R đánh bạc ăn thua bằng tiền nên cũng phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ

luật Hình sự năm 2015 với vai trò giúp sức. Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duyên Hải truy tố các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử và thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều đúng quy định pháp luật. Những người tham gia tố tụng không khiếu nại hay có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Vì vậy, các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[3] Hành vi của bị cáo Lê Minh K; Lê Thanh V; Quách Văn A; Lâm Tuấn N; Thạch Thị R; Trần Minh V là hành vi bị pháp luật cấm. Các bị cáo biết rõ đánh bạc ăn thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện hành vi đánh bạc và để bị bắt quả tang. Điều này cho thấy ý thức xem thường pháp luật của các bị cáo. Các bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nên bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi do các bị cáo gây ra.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong quá trình nghị án, Hội đồng xét xử đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: các bị cáo Lê Minh K, Lê Thanh V, Quách Văn A, Lâm Tuấn N, Thạch Thị R, Trần Minh V phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Đối với các bị cáo Lê Minh K; Lê Thanh V; Lâm Tuấn N, Trần Minh V có thân nhân là người có công với cách mạng, bị cáo Trần Minh V thuộc hộ cận nghèo; Bị cáo Thạch Thị R là người dân tộc thiểu số, không biết chữ nên nhận thức pháp luật còn hạn chế và hiện đang mang thai 8 tháng; ngoài ra các bị cáo đều có nhân thân tốt nên các bị cáo Lê Minh K, Lê Thanh V, Quách Văn A, Lâm Tuấn N, Thạch Thị R và Trần Minh V còn được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt, mặc dù các bị cáo có đủ điều kiện được xem xét cho hưởng án treo theo quy định. Tuy nhiên, để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, đảm bảo yêu cầu công tác đấu tranh phòng chống tội phạm và tình hình an ninh trật tự trên địa bàn thị xã Duyên Hải nên cần phải áp dụng hình phạt khác nghiêm khắc hơn. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy chưa đến mức phải xử phạt tù và việc xử phạt tiền đối với các bị cáo cũng đã đủ sức răn đe và giáo dục đối với các bị cáo. Vì vậy, mức phạt tiền mà Kiểm sát viên đề nghị áp dụng đối với từng bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo trên cơ sở đã xem xét hết các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã áp dụng cho các bị cáo. Qua điểm

bào chữa của người bào chữa đề nghị cho bị cáo Trần Minh V được hưởng án treo là không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về xử lý vật chứng: Đề nghị xử lý vật chứng của Kiểm sát viên là căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Các bị cáo Lê Minh K; Lê Thanh V; Quách Văn A; Lâm Tuấn N; Thạch Thị R không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định nên mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Riêng bị cáo Trần Minh V thuộc hộ cận nghèo; bị cáo Quách Văn A là người cáo tuổi nên được xét miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Minh K, Lê Thanh V, Quách Văn A, Lâm Tuấn N, Thạch Thị R và Trần Minh V phạm tội “Đánh bạc”.

Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 35, các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Minh K số tiền 25.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 35, các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thanh V số tiền 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 35, các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Quách Văn A số tiền 22.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 35, các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lâm Tuấn N số tiền 23.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 35, các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Thạch Thị R số tiền 20.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, Điều 35, các điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Minh V số tiền 20.000.000 đồng.

Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền số tiền .350.000 đồng (*đã được niêm phong trong 01 phong bì màu trắng có kích thước*

28 X 14 cm,) có đóng dấu tròn của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công An thị xã Duyên Hải. Trong đó có: 03 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng; 16 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng; 06 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng và 01 tờ tiền giấy mệnh giá 50.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Lê Minh K, Lê Thanh V, Lâm Tuấn N, Thạch Thị R mỗi bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng. Miễn cho mỗi bị cáo Trần Minh V, Quách Văn A nộp số tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Các bị cáo Lê Minh K, Lê Thanh V, Quách Văn A, Lâm Tuấn N, Thạch Thị R và Trần Minh V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAD Tỉnh Trà Vinh;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TX.Duyên Hải;
- Chi cục THADS TX.Duyên Hải;
- CQTHANHS Công An TX.Duyên Hải;
- CQĐT Công An thị xã Duyên Hải;
- UBND xã Long Toàn, Phường 1;
xã Phước Hảo;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Tấn Thanh